TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HS-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam và bà Hồ Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phú Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2023 đối với

- Bị cáo:

Trương Minh H, sinh năm 1997, nơi sinh: tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Phòng số 18, nhà T, số H, tổ C, ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Trương Minh N (chết) và bà Châu Thị R; bị cáo có vợ là Đào Thị Cà N1, có 01 người con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 7 thì nghỉ học. Có ông, bà ngoại là Châu Văn C, Hồ Thị Y được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23 tháng 9 năm 2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. (có mặt)

- Bị hại:

1. Bà Lê Nhã T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0354.649726 (có mặt)

2. Ông Ngô Hoàng R1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số A, Tổ B, Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0986.669.683. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Kim X, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Điện thoại: 03570202409 (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X: Luật sư Nguyễn Thanh T1 - Văn Phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh A. Địa chỉ: Đường T, ấp N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bà Đoàn Thị Kim P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0376.766665. (có mặt)

3. Bà Đào Thị Cà N1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0967.330.495 – 0393.496.659. (vắng mặt)

4. Bà Lương Huỳnh Bích H1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số A, đường P, Khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0938.884917. (có mặt)

5. Ông Hồ Hà N2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

6. Công ty Cổ phần C1. Địa chỉ: Tòa nhà V, phường D, quận B, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Sỹ T2 – Chức vụ Trưởng Phòng. Địa chỉ P2104, Tòa nhà A T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

7. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh A. Địa chỉ: Số H, đường T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Do bà Võ Thị Trần Q đại diện theo uỷ quyền ngày 27/6/2023. Điện thoại 0918514793 (có mặt)

8. Bà Châu Thị R, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

9. Bà Bùi Thị T3, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số G, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0383.596406 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, từ tháng 07 năm 2021 đến tháng 03 năm 2022 Trương Minh H cung cấp thông tin cá nhân của H cho các đối tượng không rõ họ tên thông qua mạng xã hội Z để làm 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Sau đó, H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay nhằm chiếm đoạt tiền của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 06 tháng 10 năm 2021, H đến nhà chị Võ Thị Kim X (hàng xóm của H) tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang nhờ chị X giới thiệu người cho vay tiền. H hứa nếu vay được sẽ cho chị X vay lại 40.000.000 đồng không tính lãi nên chị X dẫn H đến nhà chị Lê Nhã T tại ấp V, xã V, huyện T vay 150.000.000 đồng, lãi suất 3,5%/tháng và thế chấp cho chị X1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BA 898197, số vào sổ cấp GCN: CS00505, diện tích

3.000 m^2, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 35, do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho Trương Minh H ngày 10 tháng 7 năm 2021. Sau khi nhận tiền, H cho X vay lại 40.000.000 đồng và trả lãi cho chị T được 04 tháng với số tiền 21.000.000 đồng. Đến tháng 3 năm 2022, khi chị T phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H thế chấp là giả thì H hứa mỗi tháng trả gốc và lãi cho chị T 10.000.000 đồng nhưng sau đó không trả nên đến tháng 10 năm 2022 chị T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L tố giác hành vi phạm tội của H.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 10 năm 2021, H gọi điện thoại đến Công ty Cổ phần C1 đề nghị thế chấp quyền sử dụng 3.000m2 đất để vay 200.000.000 đồng. Sau đó, H cung cấp cho Công ty Cổ phần C1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CN 313173, số vào sổ cấp GCN: CS00505, diện tích 3.000m^2, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 35, do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho Trương Minh H ngày 10 tháng 7 năm 2021 nên Công ty Cổ phần C1 đồng ý cho H vay 200.000.000 đồng với điều kiện H phải ký hợp đồng giả cách chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho chị Hồ Hà N2 là nhân viên của công ty. Ngày 03 tháng 11 năm 2021, N2 ủy quyền cho Lương Huỳnh Bích H1 (nhân viên của công ty tại An Giang) đại diện cho N2 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với H. Ngày 10 tháng 11 năm 2021 H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CN 313173 đi cùng với Đào Thị Cà N1 (vợ của H), H1 đến Văn phòng C2 tại phường M, thành phố L làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bị Công chứng viên Huỳnh G phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên không công chứng. Cùng ngày, Công chứng viên Huỳnh G đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L trình báo sự việc trên.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 3 năm 2022, H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DĐ 779449, số vào sổ cấp GCN: CS03381, diện tích 2.000 m^2, thửa số 4, tờ bản đồ số 35 do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho Trương Minh H ngày 14 tháng 01 năm 2022 đến nhà anh Ngô Hoàng R1 ở ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, thế chấp cho anh R1 để vay 120.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng nhưng không ký hợp đồng vay. Sau đó, H không trả vốn và lãi cho anh R1.

Lần thứ tư: Khoảng tháng 4 năm 2022, H đưa cho bà Bùi Thị T3 (hàng xóm với H) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số DĐ 779449, số vào sổ cấp GCN: CS03381, diện tích tích 2.000m^2, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 35 do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho Trương Minh H ngày 14 tháng 01 năm 2022 để nhờ bà T3 tìm người cho H vay tiền nhưng không nói rõ số tiền vay. Sau đó, bà T3 đem giấy chứng nhận này đến nhà anh Ngô Hoàng R1 để hỏi vay tiền giúp H thì ông R1 phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T3 đưa giống giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Răng nhận thế chấp của H trước đó nên R1 chụp ảnh 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại để kiểm tra thì phát hiện giấy giả. Răng hỏi thì H thừa nhận thế chấp giấy giả nên R1 yêu cầu H chuyển nhượng diện tích 536,7 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CV 993955, số vào sổ cấp GCN: CS05161 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 13 tháng 07 năm 2020 cho ông Trương Minh N và bà Châu Thị R (cha mẹ của H) với giá 150.000.000 đồng. Răng khấu trừ 120.000.000 đồng tiền H vay, 10.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đưa thêm cho H 20.000.000 đồng thì Hòa đồng ý nên R1 không tố giác H mà đốt 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó, R1 không ký được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do trước đó H đã thế chấp giấy chứng nhận trên cho chị Đoàn Thị Kim P để vay 150.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, H còn khai: Khoảng tháng 7 năm 2021 H nhờ chị Võ Thị Kim X giới thiệu cho H thế chấp cho anh Ngô Hoàng R1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả không nhớ số ghi diện tích 3.000m^2, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 35, do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho Trương Minh H để vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi nhận tiền, H cho X vay lại 20.000.000 đồng và không tính lãi. Đến tháng 11 năm 2021, H trả hết vốn, lãi cho anh R1 và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đem đốt.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, diện tích 3.000m^2, số thửa 03, số tờ bản đồ 35, số seri CN 313173, số vào sổ cấp GCN: CS00505 do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A ký cấp vào ngày 10/7/2021 cho Trương Minh H do H giao nộp.

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả diện tích 3.000m^2, số seri BA 898197, số vào sổ cấp GCN: CS00505, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 35, địa chỉ thửa đất: xã V, huyện T, tỉnh An Giang, do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A ký cấp vào ngày 10/7/2021 cho Trương Minh H, do Lê Nhã T giao nộp.

- 01 (một) USB màu xanh được niêm phong trong phong bì màu trắng, bên trong USB có chứa hình ảnh của 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cùng diện tích 2.000 m^2, số seri DĐ 779449, số vào sổ cấp GCN: CS03381, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 35, do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A ký cấp vào ngày 14/01/2022 cho Trương Minh H, do anh Lê Kông B giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S Galaxy A11, màu xanh dương, số IMEI 1: 353279114881280, số IMEI 2: 353280114881288, kèm theo một thẻ sim có số thuê bao 0353626563, đã qua sử dụng, thu giữ của Trương Minh H.

Kết luận giám định số 11/KLGT-PC09(TL) ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh A xác định: Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 313173 là phôi giấy giả. Hình dấu "Sở tài nguyên môi trường tỉnh An Giang" và chữ ký mang tên "Võ Hùng D" trên tài liệu cần giám định được tạo ra bằng phương pháp in.

Kết luận giám định số 16/KLGT-PC09(TL) ngày 11 tháng 3 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh A xác định: Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 898197 là phôi giấy giả. Hình dấu "Sở tài nguyên môi trường tỉnh A" được tạo ra bằng phương pháp in. Chữ ký mang tên Võ Hùng D trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Võ Hùng D trên tài liệu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Kết luận giám định số 343/KLGT-PC09(TL) ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Phòng K Công an tỉnh A xác định: tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Trương Minh H, chi tiết thể hiện trong đĩa DVD dung lượng 640MB và 01 phụ lục gồm 15 trang A4 (bút lục số 100, 103 đến 118).

Công văn số 3745/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh A xác định: Sở tài nguyên môi trường tỉnh A không cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất có thông tin: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 898197, số vào sổ cấp GCN: CS00505, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 35, diện tích 3000 m^2 do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A ký cấp vào ngày 10/7/2021 cho Trương Minh H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 779449, số vào sổ cấp GCN: CS03381, thửa đất số 4, tờ bản đồ số 35, có diện tích 2.000 m^2, địa chỉ thửa đất: xã V, huyện T, tỉnh An Giang, do ông Võ Hùng D - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A ký cấp cho Trương Minh H vào ngày 14/01/2022.

Tại cáo trạng số 71/CT-VKSLX-HS ngày 17/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo Trương Minh H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" phạm vào điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", phạm vào điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố, tuy nhiên xét thấy trong vụ án này, theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự là tội danh ghép của hai tội danh khác nhau gồm "làm giả…; sử dụng…" và quá quá trình xét hỏi làm rõ ý thức chủ quan của bị cáo đặt mua tài liệu giả đó về nhằm mục đích để sử dụng, giữa bị cáo và người trực tiếp làm ra tài liệu giả không có mối quan hệ gì, không có thỏa thuận gì trước về việc mỗi người sẽ thực hiện một công đoạn trong việc làm ra tài liệu giả và mục đích của 02 đối tượng này đều hoàn toàn khác nhau, đồng thời cũng chưa xác định được người trực tiếp làm giả tài liệu cho bị cáo. Do đó tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào Điều 319 Bộ luật Tố tụng hình sự, xác định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trương Minh H: Từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị

cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 150.000.000 đồng cho chị Lê Nhã T. Nhận thấy đây là thỏa thuận tự nguyện bồi thường thiệt hại giữa hai bên không trái với các quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Do đó áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho chị Lê Nhã T số tiền 150.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu S A11, màu xanh dương kèm theo một thẻ sim có số thuê bao 0353626563 thu giữ của bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X: Hợp đồng vay giữa bà X và bị cáo H nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Bị cáo Trương Minh H thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời sau cùng đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần đối đáp một lần nữa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại bản luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định hình phạt theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp lời khai tại phiên tòa, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn thực hiện

hành vi phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Để có tiền tiêu xài, từ tháng 07 năm 2021 đến tháng 03 năm 2022 bị cáo Trương Minh H cung cấp thông tin cá nhân của H cho các đối tượng không rõ họ tên thông qua mạng xã hội Z để làm 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với mục đích thế chấp vay tiền.

Ngày 06/10/2021 bị cáo H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả diện tích 3.000 m^2 thế chấp vay tiền của chị T 150.000.000 đồng; ngày 10/11/2021 H đến Văn phòng C2 ký hợp đồng chuyển nhượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả khác với diện tích 3.000 m^2 để vay tiền của Công ty Cổ phần C1 thì bị phát hiện giấy giả nên cơ quan điều tra thu giữ giấy giả này; trong thời gian chưa khởi tố, vào tháng 3 năm 2022 bị cáo tiếp tục đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả khác diện tích 2.000 m^2 để vay tiền của anh R1 120.000.000 đồng; tháng 4 năm 2022 H tiếp tục nhờ người liên hệ vay của của anh R1 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng giả giống với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã thế chấp cho anh R1 trước đó thì bị anh R1 phát hiện, sau đó anh R1 đem đốt 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Cơ quan điều tra chỉ thu giữ được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bà T giữ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị phát hiện ở Văn phòng C2. Bị cáo nhiều lần sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với động cơ, mục đích vay tiền của chị Lê Nhã T 150.000.000 đồng; anh Ngô Hoàng R1 số tiền 120.000.000 đồng nhằm chiếm đoạt, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 270.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trương Minh H đã phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 03 (ba) năm đến 07 (bảy) năm tù; tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 07 (bảy) năm đến 15 (mười lăm) năm tù.

Đối với,

Những người làm tài liệu giả cho H chưa rõ nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

Đào Thị Cà N1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả tạo để vay 200.000.000 đồng của Công ty Cổ phần C1 nhưng không biết H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự N1 với vai trò đồng phạm là có căn cứ.

Võ Thị Kim X, Bùi Thị T3 giới thiệu H vay tiền của R1, T nhưng không biết H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự X, T3 với vài trò đồng phạm là có căn cứ.

H khai tháng 7 năm 2021 H sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp cho Ngô Hoàng R1 vay 100.000.000 đồng nhưng đã trả hết nợ và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đem đốt nên không thu được tài liệu này. Ngoài lời khai của H không còn chứng cứ khác nên không truy cứu trách nhiệm hình sự H đối với hành vi sử dụng tài liệu giả để chiếm đoạt số tiền này.

H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Hồ Hà N2 để được vay 200.000.000 đồng của Công ty cổ phần C1 nhưng Công ty cổ phần C1 chưa soạn thảo hợp đồng vay, chưa tiến hành các thủ tục cho H vay tiền nên không truy cứu trách nhiệm hình sự H đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền này .

[3] Về tính chất mức độ của hành vi:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định nhưng bị cáo đã đưa ra thông tin để thuê người khác làm giả giấy này và thực hiện thủ đoạn gian dối làm cho người khác tưởng đây là giấy tờ thật để giao dịch giao tài sản, hành vi này là vi phạm pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội đã thực hiện căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Minh H bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Minh H được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông bà ngoại là người có công với cách mạng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Minh H phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

[1]. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Minh H 07 (bảy) năm tù về tội tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; 03 (ba) năm tù về tội "Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là: 10 (mười) năm tù

Thời hạn tù tính từ ngày: 23/9/2022.

[2]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Buộc bị cáo Trương Minh H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Nhã T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu S A11, màu xanh dương kèm theo một thẻ sim có số thuê bao 0353626563.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- VKSND TP. Long Xuyên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an TP. Long Xuyên;
- CQTHAHS Công an TP. Long Xuyên;
- CQĐT Công an TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt